

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2021/DS-ST

Ngày 12/03/2021

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Tập
Bà Nguyễn Thị Ngọc Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hồng Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Hiếu – Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 12/03/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 273/2020/TLST-DS ngày 15/6/2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2021/QĐXXST- DS ngày 21 tháng 01 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2021/QĐST-DS ngày 05/02/2021 và Thông báo chuyển lịch xét xử ngày 26/02/2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Đoàn Đắc Đ – Sinh năm: 1960
Địa chỉ: Số nhà 05, thôn 3, xã E, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk - Có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Phạm Thị Kim P và ông Phạm Văn T
Địa chỉ: Đường L, P. E, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk - Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Nguyên đơn ông Đoàn Đắc Đ trình bày:** Do có mối quan hệ quen biết nên vào ngày 12/7/2019 tôi có cho vợ chồng bà Phạm Thị Kim P và ông Phạm Văn T vay số tiền 260.000.000 đồng (Hai trăm sáu mươi triệu đồng), hai bên thỏa thuận thời hạn trả nợ là trong vòng 01 năm, hàng tháng bà Phạm Thị Kim P và ông Phạm Văn T phải trả cho tôi số tiền 12.000.000 đồng (mười hai triệu đồng) nợ gốc, tháng cuối cùng phải trả hết nợ gốc còn lại. Hai bên thỏa thuận nếu bà P và ông T trả nợ đúng hạn thì không tính lãi suất còn nếu bà P và ông T không trả nợ đúng hạn như thỏa thuận thì tôi có quyền đòi hết nợ gốc trước hạn và sẽ tính lãi suất là 20%/năm

trên sổ dư nợ gốc. Khi vay giữa hai bên có viết giấy tay, không có công chứng, chứng thực.

Sau khi cho vay, bà Phạm Thị Kim P và ông Phạm Văn T không thực hiện việc trả nợ đúng như đã cam kết mặc dù tôi đã đòi nhiều lần. Tôi thừa nhận trong quá trình vay đến nay, bà P, ông T đã trả cho tôi 3000.000 đồng nợ lãi.

Vì vậy, tôi yêu cầu Tòa án giải quyết, buộc bà Phạm Thị Kim P và ông Phạm Văn T phải có nghĩa vụ trả cho tôi số tiền nợ gốc là 260.000.000 đồng (Hai trăm sáu mươi triệu đồng) và lãi suất quá hạn là 20%/năm như đã thỏa thuận theo quy định của pháp luật tính từ ngày 12/8/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm 12/3/2021.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bị đơn bà Phạm Thị Kim P và ông Phạm Văn T đều vắng mặt, không tham gia tố tụng tại Tòa án.

- Do giấy vay tiền mà ông Đoàn Đắc Đ cung cấp làm căn cứ khởi kiện bà P, ông T là giấy viết tay nên theo yêu cầu của đương sự, Tòa án đã thực hiện việc trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết: Tại Kết luận giám định số 180/PC09 ngày 23/11/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận: Chữ ký, chữ viết của ông Phạm Văn T và bà Phạm Thị Kim P trong tài liệu cần giám định với chữ ký, chữ viết ghi tên Phạm Văn T và Phạm Thị Kim P trong tài liệu mẫu so sánh là do cùng một người ký và viết ra.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột phát biểu ý kiến:

- *Về thủ tục tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đầy đủ và thực hiện đúng với quy định của pháp luật. Những người tham gia tố tụng nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật, bị đơn không chấp hành đúng pháp luật.

- *Về nội dung:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà Phạm Thị Kim P và ông Phạm Văn T phải trả cho ông Đoàn Đắc Đ số tiền nợ gốc là tiền 260.000.000 đồng (Hai trăm sáu mươi triệu đồng) và lãi suất theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và loại tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp pháp các văn bản tố tụng cũng như quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa; nhưng tại phiên tòa hôm nay bị đơn bà Phạm Thị Kim P và ông Phạm Văn T đều vắng mặt không có lý

do, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bà P, ông T.

[2] Về nội dung:

- Về nợ gốc: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đoàn Đắc Đ, HĐXX nhận thấy: việc bà Phạm Thị Kim P và ông Phạm Văn T có vay tiền của ông Đoàn Đắc Đ là có thật, được thể hiện qua Giấy vay tiền viết tay lập ngày 12/7/2019. Theo nội dung của giấy vay tiền, ông Đoàn Đắc Đ cho bà P, ông T vay số tiền 260.000.000 đồng (Hai trăm sáu mươi triệu đồng). Hai bên thỏa thuận thời hạn vay là 01 năm, hàng tháng bà Phạm Thị Kim P và ông Phạm Văn T phải trả cho ông Đ số tiền nợ gốc là 12.000.000 đồng (mười hai triệu đồng), tháng cuối cùng phải trả hết nợ gốc còn lại. Nếu bà P và ông T trả nợ đúng hạn thì không tính lãi suất còn nếu bà P và ông T không trả nợ đúng hạn như thỏa thuận thì ông Đ có quyền đòi hết nợ gốc trước hạn và sẽ tính lãi suất là 20%/năm trên số dư nợ gốc. Do bà P và ông T không thực hiện việc trả nợ cho ông Đ như đã cam kết nên ông Đ khởi kiện yêu cầu bà P, ông T phải trả nợ là có căn cứ, cần chấp nhận.

- Về lãi suất: Theo Giấy vay tiền viết tay lập ngày 12/7/2019, ông Đoàn Đắc Đ và bà Phạm Thị Kim P, ông Phạm Văn T có thỏa thuận nếu bà P và ông T trả nợ đúng hạn thì không tính lãi suất còn nếu bà P và ông T không trả nợ đúng hạn như thỏa thuận thì ông Đ có quyền đòi hết nợ gốc trước hạn và sẽ tính lãi suất là 20%/năm trên số dư nợ gốc. Xét thỏa thuận này của các bên là tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự nên Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu của ông Đoàn Đắc Đ, buộc bà Phạm Thị Kim P, ông Phạm Văn T phải trả cho ông Đ số tiền lãi suất tính từ ngày 12/8/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm 12/03/2021, cụ thể: $(260.000.000 \times 20\%/01\text{năm}) \times 19 \text{ tháng} = 82.330.000 \text{ đồng}$. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông Đoàn Đắc Đ thừa nhận bà P, ông T có trả cho ông 3.000.000 đồng tiền lãi, do đó cần khấu trừ số tiền này vào số tiền lãi mà bà P, ông T phải trả cho ông Đ, cụ thể: $(82.330.000 \text{ đồng} - 3.000.000 \text{ đồng}) = 79.330.000 \text{ đồng}$ (Bảy mươi chín triệu ba trăm ba mươi ngàn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận là 20%/năm.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà Phạm Thị Kim P, ông Phạm Văn T phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm, cụ thể như sau: $[(260.000.000 \text{ đồng} + 79.330.000 \text{ đồng}) = 339.330.000 \text{ đồng}] \times 5\% = 16.966.500 \text{ đồng}$.

Nguyên đơn ông Đoàn Đắc Đ không phải chịu án phí. Hoàn trả lại cho ông Đoàn Đắc Đ số tiền 7.532.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0008128 ngày 11/6/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự Tp. B, tỉnh Đắk Lắk.

[4] Về chi phí giám định: Bà Phạm Thị Kim P và ông Phạm Văn T phải chịu số tiền chi phí giám định chữ ký, chữ viết là 5.040.000 đồng (năm triệu không trăm bốn mươi ngàn đồng)

Ông Đoàn Đắc Đ được nhận lại số tiền 5.040.000 đồng tạm ứng chi phí giám định mà ông Đoàn Đắc Đ đã nộp sau khi thu được số tiền này từ bà Phạm Thị Kim P và ông Phạm Văn T.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 220, Điều 227, Điều 244, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự.

Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

* **Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đoàn Đắc Đ. Buộc bà Phạm Thị Kim P và ông Phạm Văn T có trách nhiệm liên đới trả cho ông Đoàn Đắc Đ tổng số tiền là 339.330.000 đồng (Ba trăm ba mươi chín triệu ba trăm ba mươi ngàn đồng).

Trong đó: Nợ gốc là 260.000.000 đồng (Hai trăm sáu mươi triệu đồng)

Nợ lãi (tính từ ngày 12/8/2019 đến ngày 12/03/2021) là 82.330.000 đồng, khấu trừ số tiền 3.000.000 đồng đã trả, số nợ lãi còn lại là 79.330.000 đồng (Bảy mươi chín triệu ba trăm ba mươi ngàn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận là 20%/năm.

* **Về án phí:** Bà Phạm Thị Kim P, ông Phạm Văn T phải chịu 16.996.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông Đoàn Đắc Đ số tiền 7.532.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0008128 ngày 11/6/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự Tp. B, tỉnh Đắk Lắk.

* **Về chi phí giám định:** Bà Phạm Thị Kim P và ông Phạm Văn T phải chịu số tiền chi phí giám định chữ ký, chữ viết là 5.040.000 đồng (năm triệu không trăm bốn mươi ngàn đồng)

Ông Đoàn Đắc Đ được nhận lại số tiền 5.040.000 đồng tạm ứng chi phí giám định mà ông Đoàn Đắc Đ đã nộp sau khi thu được số tiền này từ bà Phạm Thị Kim P và ông Phạm Văn T.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP.BMT;
- CCTHADS TP.B;
- Các đương sự;
- Lưu HS vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Thị Thu Trang